

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Tên chương trình	: Thiết kế đồ họa
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Ngành đào tạo	: Thiết kế đồ họa
Tên Tiếng Anh	: Graphic Design
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: C210403

(Ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ – NTT, ngày 29 tháng 06 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chung

Có hiểu biết về các môn lý luận chính trị; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

Có kiến thức về tin học chuyên ngành thiết kế đồ họa, thành thạo các phần mềm Đồ họa (Corel Draw, Photoshop, Illustrator...) để ứng dụng trong thiết kế Đồ họa.

1.1.3. Kiến thức bổ trợ

Đạt trình độ TOEIC 350 về tiếng Anh (hoặc tương đương); đạt chứng chỉ A về tin học, Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo, Kỹ năng soạn thảo văn bản.

1.2. Kỹ năng

Nghiên cứu khoa học, đào tạo và tự đào tạo; Giao tiếp và làm việc nhóm, làm việc độc lập. Phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn của ngành học. Kỹ năng mềm: Có khả năng tư duy, phát triển, thể hiện ý tưởng bằng ngôn ngữ đồ họa. Có khả năng thành thạo thiết kế các sản phẩm về đồ họa ứng dụng như: logo, biểu tượng, bao bì, thiết kế

bìa, sách báo, tạp chí, bưu thiếp, lịch, web, thiết kế không gian lễ hội, trình bày triển lãm, hội chợ.

1.3. Thái độ

Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp. Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân. Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Thiết kế Đồ họa là họa sĩ thiết kế, có thể tham gia công tác tại các cơ quan báo chí, truyền hình, nhà xuất bản, các công ty in ấn – quảng cáo, nhà máy, xí nghiệp sản xuất hàng hóa.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 112 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 3 năm, với 9 kỳ, trong đó 8 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.

- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Quy chế 43/2007 của bộ trưởng bộ GD & ĐT và Quy định 388/2014 của Hiệu trưởng trường ĐH Nguyễn Tất Thành.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a. Loại đạt:

A – (8,5 -> 10)	: GIỎI.
B – (7.0 -> 8,4)	: KHÁ
C – (5,5 -> 6,9)	: TRUNG BÌNH
D – (4.0 -> 5,4)	: TRUNG BÌNH YẾU.

b. Loại không đạt:

F – (dưới 4.0)	: KÉM.
----------------	--------

Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):

- A tương ứng với 4.
B tương ứng với 3.
C tương ứng với 2.
D tương ứng với 1.
F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 30 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	
3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.1.2. Khoa học xã hội – nhân văn nghệ thuật: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
5	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	
6	071350	Logic học	2	30	0	
		Tổng	6	90	0	

7.1.3. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
7	000047	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
8	000048	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	000047(a)
9	001795	TOEIC 1	3	30	30	000048(a)
10	001796	TOEIC 2	3	30	30	001795(a)
		Tổng	12	120	120	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
11	001760	Tin học văn phòng 1	2	0	60	
		Tổng	2	0	60	

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
12	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	

		Tổng	5	15	90	
--	--	-------------	----------	-----------	-----------	--

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	070022	Giáo dục quốc phòng	8	90	30	
		Tổng	8	90	30	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 31 tín chỉ

7.2.1.1. Kiến thức bắt buộc: 25 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
14	071939	Hình họa 1	4	30	60	
15	071940	Cơ sở tạo hình 1	4	30	60	
16	071941	Lịch sử Mỹ thuật	4	60	0	
17	071942	Cơ sở tạo hình 2	3	15	60	071940(a)
18	071943	Hình họa 2	4	30	60	071939(a)
19	071947	Mỹ học đại cương	3	45	0	
20	071948	Vẽ kỹ thuật - phối cảnh	3	30	30	
		Tổng	25	240	270	

7.2.1.2. Kiến thức tự chọn: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
21	071944	Cơ sở Tin học chuyên ngành	3	15	60	
22	071946	Kỹ thuật Hội họa	3	15	60	
23	071949	Kỹ thuật đồ họa	3	15	60	
24	071950	Mỹ Thuật học	3	45	0	
25	071951	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa	3	30	30	
26	072462	Cơ sở tạo hình 3	4	30	60	
27	072463	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 29 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
28	071945	Hình họa 3	4	30	60	071943(a)
29	071952	Tin học chuyên ngành 1	3	15	60	
30	071953	Tin học chuyên ngành 2	3	15	60	
31	071954	Thiết kế Lịch & Thiệp	2	15	30	

32	071955	Nghệ thuật chữ	4	30	60	
33	071956	Tin học chuyên ngành 3	3	15	60	071952(a) 071953(a)
34	071957	Tin học chuyên ngành 4	3	15	60	071952(a) 071953(a)
35	071960	Thiết kế Catalogue & Brochure	3	15	60	
36	071963	Thiết kế Poster	4	30	60	
		Tổng	29	180	510	

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 6 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
37	071958	Kỹ thuật 3D - Căn bản	3	15	60	
38	071959	Thiết kế & Minh họa sách	3	15	60	
39	071961	Thiết kế Đồ Họa truyền thông & Sự kiện công cộng	3	15	60	
40	071962	Thiết kế giao diện Web	3	15	60	

7.2.3. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
41	071426	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150	
42	071964	Đồ án + Khóa luận tốt nghiệp	5	15	120	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
43	071965	Thiết kế Ảnh động	2	15	30	
44	071966	Thiết kế Logo & StyleGuide	3	15	60	
		Tổng	10	15	270	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (a): học phần trước; (b): học phần tiên quyết; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				11	135	60	
Học phần bắt buộc				11	135	60	
1	000851	Kỹ năng giao tiếp	0201000851	2	30	0	
2	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0201070010	5	75	0	
3	070022	Giáo dục quốc phòng	0201070022	8	90	30	
4	070023	Giáo dục thể chất	0201070023	5	15	90	
5	071939	Hình họa 1	0201071939	4	30	60	
Học kỳ 2				13	150	90	
Học phần bắt buộc				13	150	90	
1	000047	Anh văn giao tiếp 1	0201000047	3	30	30	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0201070018	2	30	0	070010(a)
3	071940	Cơ sở tạo hình 1	0201071940	4	30	60	
4	071941	Lịch sử Mỹ thuật	0201071941	4	60	0	
Học kỳ 3				15	120	210	
Học phần bắt buộc				15	120	210	
1	000048	Anh văn giao tiếp 2	0201000048	3	30	30	000047(a)
2	001760	Tin học văn phòng 1	0201001760	2	0	60	
3	070002	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0201070002	3	45	0	070010(a)
4	071942	Cơ sở tạo hình 2	0201071942	3	15	60	071940(a)
5	071943	Hình họa 2	0201071943	4	30	60	071939(a)
Học kỳ 4				18	180	180	
Học phần bắt buộc				15	165	120	
1	001795	TOEIC1	0201001795	3	30	30	000048(a)
2	071350	Logic học	0201071350	2	30	0	
3	071945	Hình họa 3	0201071945	4	30	60	071943(a)
4	071947	Mỹ học đại cương	0201071947	3	45	0	
5	071948	Vẽ kỹ thuật - phối cảnh	0201071948	3	30	30	
Học phần tự chọn				3	15	60	
1	071944	Cơ sở Tin học chuyên ngành	0201071944	3	15	60	
2	071946	Kỹ thuật Hội họa	0201071946	3	15	60	
Học kỳ 5				14	105	210	
Học phần bắt buộc				11	90	150	
1	001796	TOEIC2	0201001796	3	30	30	001795(a)
2	070011	Pháp luật đại cương	0201070011	2	30	0	
3	071952	Tin học chuyên ngành 1	0201071952	3	15	60	
4	071953	Tin học chuyên ngành 2	0201071953	3	15	60	
Học phần tự chọn				3	15	60	
1	071949	Kỹ thuật đồ họa	0201071949	3	15	60	

2	071950	Mỹ Thuật học	0201071950	3	45	0	
3	071951	Nguyên lý thiết kế Đồ Họa	0201071951	3	30	30	
4	072462	Cơ sở tạo hình 3	0201072462	4	30	60	
5	072463	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0201072463	2	30	0	
Học kỳ 6				12	75	210	
Học phần bắt buộc				12	75	210	
1	071954	Thiết kế Lịch & Thiệp	0201071954	2	15	30	
2	071955	Nghệ thuật chữ	0201071955	4	30	60	
3	071956	Tin học chuyên ngành 3	0201071956	3	15	60	071952(a) 071953(a)
4	071957	Tin học chuyên ngành 4	0201071957	3	15	60	071952(a) 071953(a)
Học kỳ 7				9	45	180	
Học phần bắt buộc				3	15	60	
1	071960	Thiết kế Catalogue & Brochure	0201071960	3	15	60	
Học phần tự chọn				6	30	120	
1	071958	Kỹ thuật 3D - Căn bản	0201071958	3	15	60	
2	071959	Thiết kế & Minh họa sách	0201071959	3	15	60	
3	071961	Thiết kế Đồ Họa truyền thông & Sự kiện công cộng	0201071961	3	15	60	
4	071962	Thiết kế giao diện Web	0201071962	3	15	60	
Học kỳ 8				9	30	210	
Học phần bắt buộc				9	30	210	
1	071426	Thực tập tốt nghiệp	0201071426	5	0	150	
2	071963	Thiết kế Poster	0201071963	4	30	60	
Học kỳ 9				5	15	120	
Học phần bắt buộc				0	0	0	
Học phần tự chọn				5	15	120	
1	071964	Đồ án + Khóa luận tốt nghiệp	0201071964	5	15	120	
2	071965	Thiết kế Ảnh động	0201071965	2	15	30	
3	071966	Thiết kế Logo & StyleGuide	0201071966	3	15	60	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương. Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin. Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong thời kì mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử...

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

Logic học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này gồm có 6 chương: Chương 1: Đại cương về logic học. Chương 2: Khái niệm. Chương 3: Phán đoán. Chương 4: Suy luận. Chương 5: Chứng minh, bác bỏ và ngụy biện. Chương 6: Những quy luật cơ bản của tư duy.

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Anh văn giao tiếp 1 được giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng gồm 15 module của giáo trình New Cutting Edge Elementary từ bài 3 đến 12 kết hợp học online với nội dung do Trung tâm Ngoại ngữ (TTNN) biên soạn. Nội dung chủ yếu ôn lại và củng cố cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản đồng thời phát triển các kỹ năng tiếng Anh để chuẩn bị cho các cấp lớp cao hơn sau này.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Học phần Anh văn giao tiếp 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Cao đẳng gồm 10 bài của New Cutting Edge Pre-inter kết hợp học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh. Ngoài ra, các kỹ năng được củng cố và nâng cao trong phần học online do TTNN biên soạn.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu. Đồng thời, nội dung giảng dạy kết hợp vừa lý thuyết và thực hành tập trung vào 2 kỹ năng Nghe và Đọc của nội dung bài thi TOEIC nhằm giúp sinh viên luyện tập và làm quen với bài thi TOEIC cũng như kỹ năng tiếng Anh trong môi

trường làm việc quốc tế sau khi ra trường. Ngoài nội dung trong sách, SV được học online với nội dung do TTNN biên soạn giúp SV củng cố và hoàn thiện các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng trong bài thi TOEIC.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOEIC 1)

Nội dung: Củng cố, tiếp tục và nâng cao cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu. Đồng thời, nội dung giảng dạy kết hợp vừa lý thuyết và thực hành tập trung vào 2 kỹ năng Nghe và Đọc của nội dung bài thi TOEIC do TTNN biên soạn học online nhằm giúp sinh viên luyện tập và làm quen với bài thi TOEIC cũng như kỹ năng tiếng Anh trong môi trường làm việc quốc tế sau khi ra trường.

Giáo dục thể chất: 5 (15, 90, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 8 (90, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

Hình họa 1: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Quy trình, phương pháp nghiên cứu, diễn tả đối tượng từ hình khối cơ bản đến phức tạp. Giúp sinh viên: Nắm được phương pháp dựng hình, phương pháp diễn khối, phương pháp tả chất và không gian; Nắm vững kỹ năng vẽ chì, tả thực các khối cơ bản tĩnh vật; Bước đầu nắm được tỷ lệ, cấu trúc khuôn mặt người; Nắm được phương pháp sử dụng màu nước.

Cơ sở tạo hình 1: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trình bày các phương pháp ghi chép hoa lá, động vật tự nhiên. Rèn luyện các kỹ năng bằng thủ pháp kỹ thuật tạo hình. Nghiên cứu cấu trúc từ thiên nhiên, chất lọc các đặc điểm của mẫu vào bài. Có khả năng diễn tả mẫu bằng nét và mảng. Nắm vững các hòa sắc căn bản của thiên nhiên. Hiểu nguyên lý tạo hình của thiên nhiên. Sử dụng thành thạo các công cụ vẽ.

Lịch sử mỹ thuật: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung của lịch sử nghệ thuật Việt Nam và thế giới trong quá trình hình thành, phát triển của nền văn minh nhân loại từ thời nguyên thủy đến nay, giúp sinh viên rõ hơn về toàn bộ hoạt động nghệ thuật trong bối cảnh chính trị văn hóa xã hội của từng giai đoạn lịch sử và phong cách, những trường phái sáng tạo của những nghệ sĩ thông qua các tác phẩm tiêu biểu.

Cơ sở tạo hình 2: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Cơ sở tạo hình 1)

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các nguyên lý cơ bản của trang trí (Sự lặp đi lặp lại, sự xen kẽ, sự đảo ngược, sự chồng hình, sự bung tỏa, sự đăng đối đối xứng, sự đan chéo, sự song song song đôi nhau) và các quy luật cơ bản về phương pháp bố cục trang trí như quy luật về sự hòa hợp, quy luật về sự thăng bằng cùng các sơ đồ bố cục....

Hình họa 2: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hình họa 1)

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan sát, phân tích, phát hiện, diễn tả chân dung người mẫu. Trang bị khả năng nắm bắt đặc điểm, tỷ lệ, cấu trúc khuôn mặt người, định vị đúng các đường trục, vị trí, hình dáng các bộ phận trên khuôn mặt. Nâng cao khả năng sử dụng màu trong diễn tả chân dung người.

Mỹ học đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: những kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về Mỹ học, giúp người học có ý thức và khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật.

Vẽ kỹ thuật - phối cảnh : 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp những kiến thức cơ bản về luật phối cảnh và phương pháp biểu hiện không gian trên mặt phẳng và những kiến thức cơ bản về phương pháp đo đạc, cách rút tỷ lệ, kỹ thuật vẽ các bản vẽ kiến trúc như: mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng và bản vẽ cấu tạo. Thông qua đó, sinh viên có cái nhìn chính xác, khoa học trong không gian tự nhiên cũng như không gian của các tác phẩm, tạo điều kiện để sinh viên học tốt môn học sáng tác cũng như các môn học khác.

Cơ sở tin học chuyên ngành: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phần mềm đồ họa Corel Draw là một chương trình phổ biến tại Việt Nam nhờ tính ưu việt trong các tác vụ làm việc. Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành tại chỗ sinh động theo thang độ từ cơ bản đến nâng cao.

Kỹ thuật hội họa: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần gồm 2 phần: Phần thứ nhất tập trung giới thiệu tầm quan trọng của các kỹ thuật chất liệu và sự phát triển chất liệu kỹ thuật trong nghệ thuật tạo hình, giới thiệu các chất liệu kỹ thuật cơ bản của hội họa, giới thiệu tính chất vật lý, hóa học của sơn dầu, phương pháp vẽ sơn dầu. Phần thứ hai sinh viên thực hành vẽ 3 bài màu sơn dầu.

Kỹ thuật đồ họa: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần gồm 2 phần:

Phần thứ nhất tập trung giới thiệu các chất liệu kỹ thuật đồ họa, sau đó tập trung vào giới thiệu chất liệu kỹ thuật khắc gỗ vì đây là chất liệu nguyên thủy, căn bản để ứng dụng nhất của đồ họa

Phần thứ hai là phần thực hành, sinh viên tiến hành một số bài tập dưới sự hướng dẫn của giảng viên

Mỹ thuật học: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng; các loại hình nghệ thuật, đặc trưng hình tượng nghệ thuật, đặc trưng và vai trò xã hội của các thể loại nghệ thuật tạo hình: hội họa, điêu khắc, đồ họa.... Vị trí và vai trò của mỹ thuật trong cuộc sống.

Nguyên lý thiết kế đồ họa: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng; các loại hình nghệ thuật, đặc trưng hình tượng nghệ thuật, đặc trưng và vai trò xã hội của các thể loại nghệ thuật tạo hình: hội họa, điêu khắc, đồ họa.... Vị trí và vai trò của mỹ thuật trong cuộc sống.

Cơ sở tạo hình 3: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Cơ sở tạo hình 2)

Nội dung: học trang bị phương pháp và kiến thức cơ bản về quy trình, phương pháp sáng tạo họa tiết, ý thức về phương pháp sáng tác nghệ thuật đi từ nghiên cứu thực tế khách quan đến sáng tạo theo tư duy của người nghệ sỹ; Phương pháp cách điệu và sáng tạo các họa tiết dựa trên sự nghiên cứu động vật và con người.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam giúp sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay. Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

Hình họa 3: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Hình họa 2)

Nội dung: trang bị cho sinh viên phương pháp vẽ nghiên cứu bán thân nam và nữ, đồng thời nắm vững về tương quan tỷ lệ, cấu trúc cơ thể học, các cơ xương cổ, cơ xương vùng ngực, các cơ lưng, các cơ xương hông, các cơ xương cánh tay, cổ tay, các đặc điểm về giới tính, lứa tuổi và kỹ năng vẽ bút chì, bút sắt, màu nước.

Tin học chuyên ngành 1: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phần mềm đồ họa Adobe Illustrator đang trở thành một chương trình ngày càng phổ biến tại Việt Nam nhờ tính ưu việt trong các tác vụ làm việc. Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành tại chỗ sinh động theo thang độ từ cơ bản đến nâng cao. Sinh viên có kiến thức để thể thực hiện được các hình vẽ từ đơn giản đến phức tạp. Đạt được sự chính xác cao trong công việc chế bản cho ngành in.

Tin học chuyên ngành 2: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phần mềm xử lý ảnh Adobe Photoshop từ lâu đã trở thành một chương trình vượt trội so với rất nhiều các chương trình xử lý ảnh khác. Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành tại chỗ sinh động theo thang độ từ cơ bản đến nâng cao, sinh viên sẽ dần làm chủ công nghệ này và sẽ có khả năng sáng tạo ra các bức tranh kỹ thuật số. Sinh viên có kiến thức để thể thực hiện được việc chỉnh sửa hoặc thay đổi các chi tiết xấu trong một bức hình từ đơn giản đến phức tạp đạt được sự chính xác cao trong công việc chế bản cho ngành in. Thiết kế được Web Layout.

Tin học chuyên ngành 3: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học chuyên ngành 1, 2)

Nội dung: Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành cơ bản ở Học phần Vi Tính Chuyên Ngành 2, sinh viên sẽ dần làm chủ công nghệ này và sẽ có khả năng sáng tạo ra các bức tranh kỹ thuật số. Sinh viên có kiến thức để thể thực hiện được việc chỉnh sửa hoặc thay đổi các chi tiết xấu trong một bức hình từ đơn giản đến phức tạp. Đạt được sự chính xác cao trong công việc chế bản cho ngành in.

Tin học chuyên ngành 4: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học chuyên ngành 1, 2)

Nội dung: mặc dù mới xuất hiện trong vài năm gần đây nhưng Adobe Indesign đã thực sự thu hút phần lớn những nhà thiết kế trong lĩnh vực Layout bởi tính thân thiện, dễ sử dụng và khả năng mở rộng của các công cụ. Adobe Indesign kế thừa các đặc tính công cụ và phương pháp kết hợp hình học (Pathfinder)... của Adobe Illustrator. Chúng ta có thể nhập các định dạng khác như nhập một file đã được layout bên Microsoft Word, hay một file PDF nhiều trang vào Indesign...Ngoài ra Indesign còn có nhiều cái mới được tích hợp qua các Scripts được lập trình sẵn, với các Scripts này chúng ta có thể dễ dàng tạo Album ảnh từ một Folder hình, hoặc tạo soạn lịch tự động ngay trong Indesign. Điểm nổi bật của Adobe Indesign chính là tính đa dạng, tiện dụng và cách trình bày menu, pallette, Control, Command Bar

một cách khoa học giúp cho cho việc truy cập và dàn trang một cách thuận tiện và nhanh chóng.

Nghệ thuật chữ: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Giảng dạy về Typography hay còn gọi là nghệ thuật sáng tác thiết kế chữ. Cung cấp các thông tin về các đặc trưng về lịch sử ra đời của các kiểu chữ, về kỹ thuật in, cách nghiên cứu cấu trúc, kiểu dáng, phong cách, tinh thần của kiểu chữ. Đặc viết là nhận diện được các khoảng đặc, rộng, âm dương, nhịp điệu trong các con chữ, để từ đó phục vụ tốt cho việc thiết kế logo, biểu tượng bằng chữ. Trang bị kiến thức và vai trò thẩm mỹ của các mẫu chữ viết tay đối với đời sống và trong lĩnh vực thiết kế đồ họa.

Thiết kế lịch và thiệp: 3 (15, 60, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Khái niệm về Lịch – Thiệp & Sơ nét về lịch sử ra đời. Các đặc điểm về hình dáng, kích thước, cấu trúc trong các thể loại Lịch – Thiệp; Vai trò và công năng của các loại Lịch – Thiệp; Xu hướng thiết kế các loại Lịch – Thiệp mới cùng các hình thức sáng tạo; Các quy định về thiết kế các loại Lịch – Thiệp; Các quy trình và Phương pháp thiết kế các loại Lịch – Thiệp; Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế bộ lịch quảng cáo cho mọi sản phẩm hay các sự kiện lớn nhỏ. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực khác nhau. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế..

Thiết kế Catalogue và Brochure: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Vai trò truyền thông quan trọng của Catalogue, Brochure, Flyer, Leaflet và sự khác biệt giữa chúng. Phân tích các đặc điểm để chọn lựa phương cách bố cục, hình ảnh minh họa, chữ... cho thật sự phù hợp, đảm bảo thông tin cho qua trình tới tay người xem. Biết cách nâng cao hiệu quả thị giác của các thành tố trong thiết kế và cùng với phong cách thiết kế tạo sự thành công cho sản phẩm. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực xuất bản. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thiết kế Poster: 4 (30, 60, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Phối hợp tốt trong việc chất lọc hình và mảng để phối hợp với ngôn ngữ chữ viết. Nhận biết sự khác nhau trong các loại poster khác nhau. Tạo tính tư duy sáng tạo với việc vận dụng hình ảnh cô đọng và hiệu quả nhất có thể. Trang bị cho sinh viên các kiến thức , kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực Thiết kế đồ họa quảng cáo, cô đọng. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Kỹ thuật 3D – Căn bản: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: SketchUp là phần mềm 3D dễ học, tốn ít thời gian. Để đơn giản và hiệu quả, SketchUp trực quan hóa mọi hoạt động tương tự như khi vẽ tay. Đơn vị cơ bản trong SketchUp là đường – mặt với chuỗi thao tác vẽ, chia, nối, di chuyển, xoay, thu phóng, nâng khối, cắt khối, trượt dẫn, tô màu, áp vật liệu, vẽ địa hình, thêm cảnh quan, giả lập bóng đổ, xuất ảnh, làm slide show ... các hoạt động này đều trực quan trong môi trường 3D. Mọi tính năng chỉ được xây dựng vừa đủ dùng nhưng khả năng thể hiện ý tưởng sơ phác khá hiệu quả.

Thiết kế và minh họa sách: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức , kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế đồ họa sách. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực xuất bản. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thiết kế giao diện Web: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Adobe Dreamweaver (trước đây là Macromedia Dreamweaver), được dùng để chỉ chương trình sáng tạo đa phương tiện (multimedia) lẫn phần mềm dùng để hiển thị chúng Macromedia Flash Player. Chương trình điện toán này được viết và phân phối bởi Adobe Systems (công ty đã mua Macromedia). Dreamweaver dùng kỹ thuật lập trình CSS. Ngoài ra Dreamweaver còn có một ngôn ngữ văn lệnh riêng gọi là CSS và có khả năng truyền và tải luồng âm thanh hoặc hình ảnh.

Thiết kế đồ họa truyền thông và sự kiện công cộng: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức , kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực Thiết kế đồ họa truyền thông, công cộng. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực như: hội chợ, sự kiện quảng bá...

Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thiết kế Ảnh động: 3 (15, 60, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Adobe Flash (trước đây là Macromedia Flash và trước đó FutureSplash), hay còn gọi một cách đơn giản là Flash, được dùng để chỉ chương trình sáng tạo đa phương tiện (multimedia) lẫn phần mềm dùng để hiển thị chúng Macromedia Flash Player. Chương trình điện toán này được viết và phân phối bởi Adobe Systems (công ty đã mua Macromedia). Flash dùng kỹ thuật đồ họa vectơ và đồ họa điểm (raster graphics). Ngoài ra Flash còn có một ngôn ngữ văn lệnh riêng gọi là ActionScript và có khả năng truyền và tải luồng âm thanh hoặc hình ảnh. Đứng ra thì từ Macromedia Flash nên được dùng để chỉ chương trình tạo ra các tập tin Flash. Còn từ Flash Player nên được dành để chỉ ứng dụng có nhiệm vụ thi hành hay hiển thị các tập tin Flash đó. Tuy vậy, chữ Flash được dùng để chỉ cả hai chương trình.

Thiết kế Logo & StyleGuide: 3 (15, 60, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Vai trò truyền thông quan trọng của Logo và sự khác biệt giữa chúng với Icon, Symbol... Phân tích các đặc điểm để chọn lựa phương cách bố cục, hình ảnh minh họa, chữ... cho thật sự phù hợp, đảm bảo thông tin cho người xem.

Biết cách nâng cao hiệu quả thị giác của các thành tố trong thiết kế và cùng với phong cách thiết kế tạo sự thành công cho Logo. Trang bị cho sinh viên các kiến thức , kỹ năng cơ bản cũng như chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế. Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

Thực tập tốt nghiệp: 5 (0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Sinh viên đi thực tập tại một công ty cụ thể, có các hoạt động sản xuất đa dạng phục các lợi ích khác nhau của xã hội. Trong thời gian thực tập, sinh viên thu thập các tài liệu – tư liệu dưới dạng: hình ảnh, ký họa, ghi chép, sưu tầm tư liệu, các đoạn video clip, âm thanh... Tất cả các tài liệu trên đều phải liên quan đến các hoạt động của công ty trên như:

lao động – nhân lực, quy trình sản xuất, cơ chế hoạt động của máy móc, đặc trưng cơ bản của sản phẩm hay công ty...

Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp: 9 (15, 240)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Sinh viên tự chọn, tiếp cận, nghiên cứu, thể hiện hệ thống đồ họa cho một công ty, xí nghiệp, đơn vị, sự kiện hay sản phẩm. Qua đó sinh viên thể hiện được sự độc lập tư duy sáng tạo, thiết lập được hệ thống ý tưởng cho từng khối lượng bài về poster, lịch treo tường, logo, hệ thống nhận diện thương hiệu (hay hệ thống nhận diện sản phẩm – C.I.P) và các hình thức truyền thông quảng cáo khác như: banners, lịch để bàn, thư mời, cataloge, bao bì..., đạt yêu cầu về thẩm mỹ đồ họa và giá trị truyền thông tốt.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Ái Cẩm

TS. Nguyễn Lan Phương